

Bản án số: 161/2024/HS-PT
Ngày: 16 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng Cường.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Mơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 154/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Văn Chí T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2024/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Đặng Văn Chí T, sinh ngày 24/8/1985 tại tỉnh Tiền Giang. Thẻ CCCD: 082085013399; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N và bà Trần Thị N1; Bị cáo có vợ: Nguyễn Thị D và có 03 người con; tiền sự, tiền án: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/5/2023, tạm giam ngày 01/6/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Nguyễn Cao Minh N2, sinh ngày 03/9/1991 tại tỉnh Tiền Giang. Thẻ CCCD: 082091018393; Nơi cư trú: Số B B, khu phố A, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vô d và con bà Nguyễn Thị Kim N3; Vợ: đã ly hôn và có 01 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01: Ngày 04 tháng 3 năm 2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã nay là thành phố G áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 06/2023/QĐ-TA; bị cáo đang chấp hành đến 21 tháng 02 năm 2024 thì được tạm đình chỉ thi hành do bị bắt tạm giam trong vụ án này.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

3. Đặng Thành H, sinh ngày 25/4/1987 tại tỉnh Tiền Giang. Thẻ CCCD: 082087006442; Nơi cư trú: Số E đường P, khu phố D, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đặng Văn T1 và con bà Trần Thị Ngọc Á; Vợ: Nguyễn Thị Kim H1 (đã ly hôn) và có 02 người con; Tiền sự:

- Ngày 25 tháng 10 năm 2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã nay là thành phố G áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 47/2023/QĐ-TA; đang chấp hành đến 21 tháng 02 năm 2024 thì được tạm đình chỉ thi hành do bị bắt tạm giam trong vụ án này.

- Tiền án: Ngày 11 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã nay là thành phố G xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*) theo Bản án số 33/2021/HSST; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Trại giam P2 – Cục C1 - Bộ C2.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Ngoài ra bản án còn có 04 bị cáo khác; bị hại và 07 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị T2 trước đây có đứng ra tổ chức các dây hụi. Trong quá trình chơi hụi, bà T2 thiếu tiền các hụi viên, chưa có khả năng chi trả và do áp lực từ việc phải trả nợ nhưng không trả được nên bà T2 rời khỏi nơi cư trú. Trong số các hụi viên mà bà T2 còn nợ tiền hụi thì T2 có nợ Nguyễn Thị Kim P 216.000.000 đồng và nợ Võ Thị Phương L số tiền 278.000.000 đồng. Do nhiều lần P, L đòi tiền bà T2 không được, bà T2 lại bỏ đi khỏi địa phương, không liên lạc được nên nảy sinh tức giận. Vào khoảng 09 giờ ngày 23 tháng 4 năm 2023, để tìm cách lấy lại tiền, P đề xuất với L nhờ Đặng Văn C T là cháu rể của P giúp đòi nợ bà T2 thì L đồng ý. P gọi điện thoại kêu T đến nhà và cùng L trao đổi với T về việc bà T2 còn nợ tiền hụi, việc đòi số nợ này. Theo thỏa thuận, khi T đòi nợ thành công thì L sẽ cho T hưởng 50% số tiền đòi được từ bà T2, riêng P thì T nói khi nào lấy được nợ sẽ tính sau do T và P có quan hệ họ hàng. P, L và T cùng thống nhất đến nhà bà T2 để buộc người thân trong gia đình bà T2 phải trả tiền thay bà T2, mặc dù họ không phải là người trực tiếp thiếu nợ.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi nghe điện thoại của P kêu đến nhà bà T2 đòi nợ thì T rủ thêm: Đặng Thành H, Nguyễn Cao Minh N2, Trần Tấn Hoàng T3 để cùng T đi đòi nợ, xong việc thì T sẽ cho tiền để xoay sở, tiêu xài cá nhân; H, N, T3 đồng ý. Cả nhóm đón taxi đến nhà P rồi cùng P, L đến nhà bà T2 tọa lạc tại ấp A, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho Trần Quốc B kêu B qua nhà của T để đi công chuyện và kêu B đi xuống cầu B. Khi B đến nhà T thì gặp Lưu Quốc T4 và Đỗ Tấn P1. B nói lại cho P1, B biết việc T kêu đi công chuyện, nghĩ là đi đánh nhau nên P1 vào nhà T lấy 02 con dao tự chế; P1 cầm 01 dao, đưa B cầm 01 dao; T4 điều khiển xe mô tô loại “Vario” biển số 63B5-482.05 chở B, P1 đi một mình.

Khi B, T4, P1 đến nhà bà T2 thì nhập cùng nhóm của T đi trước; lúc này, B, T4, P1 đã biết được việc T rủ đi là để đòi nợ. Bà T2 không có ở nhà nhưng có mặt con bà T2 là chị Nguyễn Thị H2 và chồng bà T2 là ông Nguyễn Văn L1. Trong lúc T ngồi đối diện với chị H2 tại băng ghế đá trước hành lang nhà thì P, L đứng kế bên rồi cùng nói chuyện qua lại với chị H2, cường độ nói chuyện ngày càng lớn tiếng, gay gắt; những người còn lại trong nhóm của T thì đi tới lui xung quanh, trong đó P1, B cầm trên tay dao tự chế mang theo từ ban đầu.

P, L đưa cho chị H2 xem giấy nợ mà bà T2 còn thiếu mà P, L đã viết sẵn từ trước và mang theo. Giấy nợ của P thể hiện số tiền 216.000.000 đồng, giấy nợ của L thể hiện số tiền 278.000.000 đồng, tổng cộng là 494.000.000 đồng. Chị H2 nói với T, L, P là không biết gì về số tiền nợ của bà T2, không đồng ý ký vào giấy nợ. Nhóm của T tiếp tục đe dọa và có nhiều hành động gây áp lực cho chị H2 và ông L1 để buộc chị H2 phải ký vào giấy mượn nợ hoặc trả tiền thay bà T2:

- Khi T nghe chị H2 không đồng ý trả nợ thay cho bà T2 thì dùng tay phải tát mạnh vào mặt chị H2 02 cái kèm theo lời nói là “*Lỳ quá, đánh để dạy cho ngoan bớt*”; P, L ngồi xung quanh dùng lời nói lớn tiếng ép chị H2 ký nhận vào giấy nợ tiền hui do bà P, L viết trước đó.

- H tham gia vào cuộc nói chuyện, buộc chị H2 phải trả nợ; khi T đánh chị H2, H nói “*Quýnh cho nó ngoan lại*” và cùng N2, B đi xung quanh nhà để tìm chồng của chị H2 là anh Phạm Hoàng M theo yêu cầu của T, trong đó B vẫn cầm trên tay dao tự chế.

- B cầm dao tự chế chặt vào cánh cửa gỗ, gần chỗ ông L1 đang ngồi ở lối giữa hai cánh cửa đi vào nhà.

- T4 lấy con dao tự chế từ P1 rồi cầm dao đi lòng vòng xung quanh nhà bà T2, dùng dao chặt vào cây sứ ở trước nhà; sau đó T4 phát hiện thấy nhà bà T2 có lắp đặt camera thì T4 tháo dây nguồn của camera, vô hiệu hóa thiết bị quan sát này để diễn biến sự việc không bị ghi lại.

Chị H2 không đồng ý ký giấy nhận nợ nhưng do trước đó bị nhiều người uy hiếp tinh thần, nên đã viết tờ cam kết về việc sẽ đôn đốc liên lạc với bà T2 để trở về giải quyết nợ. Lúc này, do lo sợ tiếp tục bị đe dọa nên anh M gọi điện thoại trình báo sự việc với Công an xã B. Khi thấy lực lượng Công an xã đến thì L, P và nhóm của T bỏ ra về; toàn bộ diễn biến vụ việc đều được camera quan sát ghi hình. Công an xã B lập biên bản tiếp nhận tố giác về tội phạm đối với vụ việc. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trước nhà chị H2 ở phía bên ngoài, cách nhà bà T2 khoảng 30 mét ghi nhận có một đối tượng nam không rõ tên, tuổi, địa chỉ mang 03 bình gas mini đến rồi đốt gây tiếng nổ và lửa cháy. Công an xã B đến tiếp nhận, ghi nhận hiện trường. Ngày 11 tháng 5 năm 2023, Công an xã B chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố G. Trong cùng ngày, do lo sợ tiếp tục bị đe dọa, chị H2, anh M đã liên hệ hẹn P đến nhà vào ngày 12 tháng 5 năm 2023 để trả số tiền bà T2 còn nợ; đồng thời trình báo sự việc với Công an thành phố G. P sau khi nhận được cuộc hẹn của chị H2 thì thông báo cho L và rủ thêm Lê Thị D1 cũng là hui viên mà bà T2 còn nợ để cùng đi. Đến khoảng 10 giờ ngày 12 tháng 5 năm 2023, P, L, và D1 cùng đến nhà bà T2 thì gặp và trao đổi cùng anh Phạm Hoàng M. Anh M đồng ý đưa cho P, L mỗi người 5.000.000 đồng. Phụng, L nhận số tiền này, đồng thời yêu cầu M viết giấy nợ với số tiền tăng thêm so với giấy nợ buộc chị H2 phải nhận vào ngày 23 tháng 4 năm 2024. Cụ thể, anh M đã viết giấy nợ của L là 305.000.000 đồng, nợ của P là 240.000.000 đồng. Lúc này, lực lượng Công an thành phố G đến và tiến hành giữ khẩn cấp đối với P, L; số tiền 10.000.000 đồng bị Công an thu giữ.

Ngoài ra còn thu giữ các tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án.

Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HSST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn Chí T, Nguyễn Cao Minh N2, Đặng Thành H phạm tội “Cuồng đoạt tài sản”.

1.1 Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Chí T: 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 29 tháng 5 năm 2023.

1.2 Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Minh N2: 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 21 tháng 02 năm 2024.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thành H: 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 21 tháng 02 năm 2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt của các bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, các bị cáo Đặng Văn Chí T, Đặng Thành H, Nguyễn Cao Minh N2 kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xử, đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xử, lời thừa nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 23/4/2023, tại ấp A, xã B, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang Nguyễn Thị Kim P, Võ Thị Phương L, Đặng Văn Chí T, Trần Quốc B, Đặng Thành H, Lưu Quốc T4 và Nguyễn Cao Minh N2 cùng đi đến nhà bà Nguyễn Thị T2 để đòi tiền hui. Khi đến nơi, các bị cáo không gặp bà T2 mà gặp chị Nguyễn Thị H2. Mặc dù biết rõ chị H2 không phải là người nợ tiền nhưng các bị cáo vẫn có hành vi đe dọa dùng vũ lực và thực hiện những thủ đoạn khác để uy hiếp, gây sức ép về mặt tinh thần của chị H2, buộc chị H2 phải trả nợ thay và ký giấy nhận nợ cho bà T2. Số tiền theo giấy nợ của P đòi chị H2 phải nhận trả là 216.000.000 đồng, số tiền theo giấy nợ của L đòi chị H2 phải trả là 278.000.000 đồng, tổng cộng 494.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Đặng Văn Chí T, Nguyễn Cao Minh N2, Đặng Thành H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng. Bởi lẽ, xuất phát từ mục đích háms tiền nên các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại một cách cố ý với thủ đoạn đe dọa uy hiếp tinh thần làm cho chị H2 sợ hãi để chiếm đoạt tài sản, chứng tỏ các bị cáo rất xem thường pháp luật. Hành vi này đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp cũng như nhân thân sức khỏe của người bị hại luôn được pháp luật bảo vệ, vụ án xảy ra đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Cho nên cần thiết phải được xử lý nghiêm minh để cải tạo giáo dục, răn đe đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện, cũng như nhân thân vai trò tham gia cùng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt các bị cáo mức án như trên là thỏa đáng không nặng. Ngoài ra trong giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nhận thấy trong vụ án này bị cáo H có tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nhưng khi quyết định cấp sơ thẩm không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là thiếu sót nên cần bổ sung cho phù hợp.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn Chí T, Nguyễn Cao Minh N2 và Đặng Thành H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2024/HSST ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn Chí T, Nguyễn Cao Minh N2, Đặng Thành H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1.1 Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Chí T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 29 tháng 5 năm 2023.

1.2 Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Thành H.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao Minh N2: 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 21 tháng 02 năm 2024.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thành H: 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 21 tháng 02 năm 2024.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Đặng Văn Chí T, Nguyễn Cao Minh N2, Đặng Thành H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND tỉnh Tiền Giang; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang; (1)
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang; (1)
- Trại Tạm giam CA tỉnh Tiền Giang; (1)
- TAND thành phố C ; (3)
- VKSND thành phố C ; (1)
- Công an thành phố C ; (1)
- THADS thành phố C ; (1)
- Bị cáo; (1)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hùng Cường